

MỘT SỐ BIỆN PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ GIÁO DỤC DI SẢN TRONG DẠY HỌC Ở TRƯỜNG PHỔ THÔNG

Vương Thị Phương Hạnh

Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam
Email: vuonghanh0503@gmail.com

Article history

Received: 10/5/2022

Accepted: 20/6/2022

Published: 05/8/2022

Keywords

Promote, heritage, heritage education, school

ABSTRACT

Education through heritage has a broad meaning, including education of tradition, history, culture, landscapes, love for the motherland, Vietnamese people, etc. The school has the responsibility of raising students' awareness about heritages as well as using heritage to teach. The research clarifies the concepts and classification of heritages, as well as the significance of heritage education in schools. From there, the author proposes some suggestions to help managers and teachers embed heritages into high school education in a more convenient, practical and relevant way to students. Using heritage in teaching develops our awareness of our identities, our understanding of the past, our connectedness to the present and future.

1. Mở đầu

Đưa di sản vào giảng dạy trong nhà trường là một trong những hướng đi mà Việt Nam đang thực hiện để giáo dục ý thức cho thế hệ trẻ. Di sản cho chúng ta ý thức về bản sắc, sự hiểu biết về quá khứ, liên kết với hiện tại và tương lai. Di sản làm cho quốc gia có bản sắc riêng, vừa là thành viên của cộng đồng toàn cầu, vừa khác biệt với những quốc gia, địa phương khác. Nơi đâu có làng bản, cộng đồng dân cư, ở đó có di sản và những tri thức về di sản, kí ức về di sản, về lịch sử: đó là ngôi làng, miếu thờ hay ngôi nhà của mình; là những thửa ruộng bậc thang hay ruộng thổ canh hóc đá; là các tri thức dân gian về thời tiết, ẩm thực, sản xuất, nghề thủ công, phong tục tập quán... Với những di sản nhỏ nhất, tưởng như chỉ liên quan đến một nhóm cộng đồng nhưng đó chính là cuộc sống của họ. Những người sống trên mảnh đất ấy phải hiểu di sản của chính mình, biết khai thác di sản đó cho các mục tiêu khác nhau, trong đó có mục tiêu giáo dục.

Dưới đây, bài báo làm rõ các khái niệm về di sản và phân loại di sản; làm rõ ý nghĩa của hoạt động giáo dục di sản trong nhà trường, từ đó đề xuất một số biện pháp giúp các nhà quản lí và GV đưa di sản vào giáo dục trong nhà trường phổ thông theo hướng thuận lợi hơn, thiết thực, gần gũi và hiệu quả với HS hơn.

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Khái niệm và phân loại di sản

Di sản là giá trị tinh thần và vật chất của văn hóa thế giới hay một quốc gia. “*Di sản là tài sản tinh thần hoặc tài sản vật chất do lịch sử để lại hoặc do thiên nhiên tạo ra*” (Hoàng Phê và cộng sự, 2008, tr 327). Di sản bao gồm các di chỉ, di tích hay danh thắng của một địa phương, quốc gia như: rừng, dãy núi, hồ, sa mạc, kiến trúc... Theo quan niệm này, di sản sẽ bao gồm di sản văn hóa, di sản tự nhiên và di sản hỗn hợp của 2 loại trên.

Ở Việt Nam, Luật Di sản văn hóa quy định: “*Di sản văn hóa Việt Nam là tài sản quý giá của cộng đồng các dân tộc Việt Nam và là một bộ phận của di sản văn hóa nhân loại, có vai trò to lớn trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước của nhân dân ta*” (Quốc hội, 2001, tr 1). Cũng trong Luật này, tại Chương 1: Những quy định chung, một số khái niệm được làm rõ như sau:

Điều 1: “*Di sản văn hóa quy định tại Luật này bao gồm di sản văn hóa phi vật thể và di sản văn hóa vật thể, là sản phẩm tinh thần, vật chất có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học, được lưu truyền từ thế hệ này qua thế hệ khác ở nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam*” (Quốc hội, 2001).

Điều 4: - “*Di sản văn hóa phi vật thể là sản phẩm tinh thần có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học, được lưu giữ bằng trí nhớ, chữ viết, được lưu truyền bằng truyền miệng, truyền nghề, trình diễn và các hình thức lưu giữ, lưu truyền khác, bao gồm tiếng nói, chữ viết, tác phẩm văn học, nghệ thuật, khoa học, ngữ văn truyền miệng, diễn xướng dân gian, lối sống, nếp sống, lễ hội, bí quyết về nghề thủ công truyền thống, tri thức về y, dược học cổ truyền, về văn hóa ẩm thực, về trang phục truyền thống dân tộc và những tri thức dân gian khác*” (Quốc hội, 2001); - “*Di sản văn hóa vật thể là sản phẩm vật chất có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học, bao gồm di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia*” (Quốc hội, 2001).

Như vậy, ở Việt Nam, di sản được gọi chung là di sản văn hóa bao gồm: *Di sản văn hóa vật thể* và *Di sản văn hóa phi vật thể*. Giáo dục thông qua di sản có nghĩa rộng, bao gồm cả giáo dục truyền thống, lịch sử, văn hóa, danh lam thắng cảnh, tình yêu quê hương đất nước, con người Việt Nam... Vì vậy, nhà trường phổ thông vừa có trách nhiệm giáo dục nâng cao nhận thức cho HS về di sản, vừa có trách nhiệm sử dụng di sản để dạy học. Việc sử dụng di sản để dạy học sẽ mang lại những kết quả tích cực vừa có giá trị ở phương pháp giáo dục kiến thức phổ thông theo quy định của chương trình, vừa nâng cao nhận thức và trách nhiệm của HS đối với di sản. Đây là một trong những giải pháp quan trọng trong nhiệm vụ bảo tồn và phát huy giá trị di sản, hỗ trợ hiệu quả cho công tác giáo dục truyền thống văn hóa, lịch sử tại các nhà trường.

2.2. Ý nghĩa của hoạt động giáo dục di sản ở trường phổ thông

“Giáo dục di sản” là một khái niệm khá mới, tuy nhiên cũng có rất nhiều cách tiếp cận và quan niệm khác nhau, đặc biệt là ở các nước có nền văn hóa lâu đời (Hi Lạp, Tây Ban Nha, Trung Quốc...). Gillate và cộng sự (2020) cho rằng: Giáo dục di sản là một quá trình truyền bá một cách có ý thức nhằm kết nối các cá nhân với môi trường, sử dụng di sản làm tài nguyên cho hoạt động đào tạo công dân và xây dựng bản sắc trên cơ sở quan điểm của cá nhân và tập thể. Ferreras-Listán và cộng sự (2020) lại quan niệm: Giáo dục di sản là một lĩnh vực giáo dục tập trung vào việc dạy, học, tiếp thu kiến thức, định giá, bảo tồn và phổ biến di sản văn hóa. Nó có vai trò như là một hoạt động tạo ra sự đồng nhất trong nhận thức và bản sắc xã hội. Còn tiếp cận ở góc độ là quá trình giáo dục: Giáo dục di sản là một quá trình sư phạm trong đó HS có thể tìm hiểu về tài nguyên di sản, đây là một phần quan trọng của chương trình Giáo dục công dân, giúp HS hiểu về lịch sử văn hóa của chính họ và cách thức mà di sản đã hình thành, phát triển, biến đổi cùng với lịch sử từ quá khứ đến hiện tại” (Lee et al., 2020)... Như vậy, giáo dục di sản có thể hiểu là một quá trình giáo dục đặc thù được tổ chức có mục đích, có kế hoạch, với nội dung là các không gian, tài nguyên di sản; trong đó, dưới vai trò chủ đạo của nhà giáo dục, đối tượng giáo dục tích cực chủ động tiếp nhận, bổ sung và hoàn thiện hệ thống tri thức, giá trị, quan điểm khoa học... về di sản.

Giáo dục di sản là nhiệm vụ cần thiết để xây dựng nền tảng văn hóa, kiến thức lịch sử cho thế hệ trẻ; qua đó, góp phần nâng cao hiểu biết cho HS về kho tàng di sản văn hóa dân tộc và trách nhiệm gìn giữ, phát huy những giá trị ấy khi mai này các em trở thành những chủ nhân đất nước. Mỗi di tích lịch sử, lễ hội văn hóa truyền thống đều được ra đời trong điều kiện lịch sử, điều kiện sống nhất định. Trong thời đại hiện nay, vấn đề bảo tồn, giữ gìn các giá trị này càng có ý nghĩa cấp thiết, nhất là giải quyết mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với bảo tồn các giá trị văn hóa, lịch sử; giữa cái mới với cái cũ, giữa những giá trị hiện đại với những giá trị thuộc về truyền thống...

Ở nước ta, vấn đề bảo tồn di sản đã được đặt ra ngay từ những ngày đầu đất nước độc lập. Ngày 23/11/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký Sắc lệnh Bảo tồn cổ tích. Sắc lệnh đã chỉ rõ: “*Nghiêm cấm việc phá hủy những đình chùa, đền miếu hoặc nơi thờ tự khác, những cung điện, thành quách cùng lăng mộ chưa được bảo tồn. Cấm phá hủy những bia ký, đồ vật, chiếu sắc, văn bằng, giấy má, sách vở có tính cách tôn giáo hay không, có ích cho lịch sử, nhưng chưa được bảo tồn*” (Nguyễn Thanh Lam, 2016, tr 61). Sau khi đất nước thống nhất 1975, đến năm 1984, Hội đồng Nhà nước nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam đã ban hành Pháp lệnh Bảo vệ và sử dụng di tích lịch sử, văn hóa và danh lam thắng cảnh. Năm 1998, Đảng Cộng sản Việt Nam đã ban hành Nghị quyết Trung ương 5 (Khóa VIII) về việc xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Tiếp đến Luật Di sản Văn hóa được đưa vào cuộc sống từ năm 2001 như là cơ sở pháp lý quan trọng nhất trong việc bảo tồn, giữ gìn các di sản văn hóa, lịch sử của dân tộc. Cho đến nay, Sắc lệnh vẫn giữ nguyên ý nghĩa lý luận và thực tiễn, soi sáng cho sự nghiệp bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa của đất nước. Với ý nghĩa đó, ngày 24/2/2005, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 36/2005/QĐ-TTg về việc lấy ngày 23/11 hàng năm là “Ngày Di sản Văn hóa Việt Nam” nhằm động viên các tầng lớp xã hội tham gia tích cực vào sự nghiệp bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa dân tộc (Thủ tướng Chính phủ, 2005).

Trong nhiều năm qua, ngành Giáo dục đã thực hiện thí điểm sử dụng di sản trong dạy học ở trường phổ thông tại một số tỉnh/thành phố đem lại những tác động tích cực bằng nhiều cách thức khác nhau, phù hợp với điều kiện, đối tượng và loại hình di sản như: tỉnh Bắc Ninh, Nghệ An có phong trào đưa dân ca vào trường học; Phú Thọ đưa hát Xoan vào trường học; Lạng Sơn dạy HS phổ thông đàn Tính, hát Then; HS Hà Nội tham gia các câu lạc bộ Em yêu lịch sử, tham quan Bảo tàng Lịch sử quốc gia, Khu di tích Văn Miếu - Quốc Tử Giám... Phương thức tổ chức dạy học giáo dục di sản văn hóa được thực hiện lồng ghép vào các môn học (Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí, Giáo dục công dân, Âm nhạc, Mĩ thuật...), với các hoạt động giáo dục nội khóa hoặc ngoại khóa (các chuyến đi về nguồn, đưa HS đến học tập và tìm hiểu tại các di tích, tổ chức các chương trình biểu diễn giao lưu với các nghệ sĩ, nghệ nhân gạo cội trong ngành sân khấu dân tộc...) đều mang lại nhiều hiệu quả tích cực.

Việc giáo dục di sản trong nhà trường phổ thông nhằm thực hiện mục tiêu:

- Nâng cao hiểu biết cho HS về di sản: Với lịch sử hơn 4.000 năm dựng nước và giữ nước, bất cứ địa phương nào trên đất nước Việt Nam đều mang trong mình ít nhất một loại hình di sản (Ngô Đức Thịnh, 2019). Trong quá trình học tập với di sản dưới sự hướng dẫn của GV, các hiện tượng, sự vật, giá trị ẩn chứa trong di sản sẽ được HS tìm hiểu, làm gia tăng nhận thức bản thân. Những điều tưởng như quen thuộc sẽ trở nên hấp dẫn hơn, sống động hơn và HS sẽ có hứng thú với chúng; từ đó, các em có được động cơ học tập đúng đắn, trở nên tích cực và phấn đấu tiếp nhận kiến thức mới cũng như có thái độ và hành vi thân thiện, bảo vệ di sản tốt hơn, hướng HS sống có trách nhiệm hơn.

- Hình thành và tăng cường ý thức tôn trọng, giữ gìn, phát huy những giá trị di sản; giáo dục thái độ trân trọng, bảo vệ giá trị di sản cũng như giá trị lịch sử của đất nước, nhân loại; giáo dục thái độ, hành vi tích cực trong bảo tồn di sản, phát huy giá trị văn hóa tinh thần dân tộc. Giáo dục di sản không chỉ đối với HS mà còn góp phần làm cho cán bộ, GV, nhân viên, CBQL, phụ huynh HS nhà trường hiểu được giá trị cũng như thấy được trách nhiệm trong việc gìn giữ, quảng bá di sản.

- Di sản dù dưới dạng vật thể hoặc phi vật thể đều có thể sử dụng trong quá trình giáo dục, dạy học dưới hình thức tạo môi trường; tạo công cụ hoặc là nguồn cung cấp chất liệu để xây dựng nội dung dạy học, giáo dục; qua đó góp phần rèn luyện tính chủ động, tích cực, sáng tạo trong đổi mới phương pháp học tập, rèn luyện, nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục.

- Tiếp cận với di sản góp phần phát triển một số kỹ năng ở HS, như: kỹ năng quan sát, thu thập, xử lý thông tin; kỹ năng vận dụng kiến thức đã học để giải thích những hiện tượng, sự vật có trong các di sản; kỹ năng giao tiếp; kỹ năng trình bày suy nghĩ ý tưởng, hợp tác; tư duy phê phán; đặt mục tiêu, quản lý thời gian; khả năng tìm kiếm và xử lý thông tin... Bên cạnh đó, giáo dục di sản cũng góp phần hoàn thiện nhân cách cho HS. Những giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học, được lưu truyền từ thế hệ này qua thế hệ khác trong di sản có khả năng tác động mạnh tới tình cảm, ứng xử, đạo đức, hành vi... của HS.

Trong quá trình học tập với di sản, HS được rèn luyện cách trình bày, diễn đạt suy nghĩ, quan điểm, mong muốn, cảm xúc của bản thân một cách phù hợp với đối tượng, hoàn cảnh và văn hóa giao tiếp. Đồng thời, các em cũng biết lắng nghe và tôn trọng ý kiến người khác ngay cả khi bất đồng quan điểm. Những kỹ năng này sẽ giúp HS có mối quan hệ tích cực với người khác, biết cách xây dựng những mối quan hệ mới.

- Việc khai thác các di sản tại địa phương nơi nhà trường đóng giữ vai trò là nguồn tri thức, phương tiện dạy học, giáo dục đáp ứng nhu cầu nâng cao hiểu biết về di sản cho HS. Bên cạnh đó, giáo dục di sản còn góp phần xây dựng và phát triển hoạt động văn hóa nghệ thuật ở trường học.

2.3. Một số biện pháp nâng cao hiệu quả giáo dục di sản trong dạy học ở trường phổ thông

Không phải mọi di sản đều có thể sử dụng để dạy học trong bất kỳ tình huống nào, cần bản là phải tìm cách thức giúp GV nhận biết di sản gần nhà trường để dạy học một cách thuận lợi. Có nhiều cách tiếp cận giáo dục trải nghiệm di sản được áp dụng rất linh hoạt vào các chương trình hoạt động trong nhà trường. Tùy theo hoàn cảnh và đối tượng mà khuyến khích hình thức giáo dục di sản khác nhau (Nguyễn Thị Hoàng Yến, 2012). Ở thành phố, giáo dục di sản ở các bảo tàng, di tích lịch sử văn hóa là quan trọng. Ở vùng núi, vùng xa xôi hẻo lánh không có bảo tàng, xa di tích thì các di sản vật thể và phi vật thể (những con người nắm giữ tri thức và nghệ thuật dân gian), di sản thiên nhiên, danh lam thắng cảnh (rừng, núi, sông suối, thác nước...) ở xung quanh trường trở thành nguồn khai thác vô tận và sinh động với nhà trường và HS. Mỗi đối tượng có hình thức khai thác riêng nhưng đều có điểm chung là GV tạo ra những hoạt động trải nghiệm cho HS, giúp các em chủ động khám phá kiến thức, nội dung ẩn chứa bên trong các di sản ấy. Sử dụng di sản để dạy học không có nghĩa là học di sản. Ví dụ, GV không thể ngay lập tức yêu cầu HS học hát Xoan, Ca trù... mà trước hết phải dạy các em biết thế nào là hát Xoan, Ca trù. Trên mỗi loại hình di sản ấy có điều gì đặc biệt và tại sao lại như vậy, nó được lưu truyền như thế nào, gắn với giai đoạn lịch sử/sự kiện nào...

Các di sản, dù là vật thật hay ảo (thể hiện qua tranh, ảnh, phim...) sử dụng trong dạy học, giáo dục đều góp phần nâng cao tính trực quan giúp người học mở rộng khả năng tiếp cận với đối tượng, hiện tượng liên quan đến bài học tồn tại trong di sản. Ví dụ, khi tham quan Bảo tàng Chiến thắng Điện Biên Phủ, qua các hiện vật và thuyết minh của hướng dẫn viên, thầy cô, các em sẽ hình dung được cuộc sống của các anh Bộ đội Cụ Hồ trong chiến đấu. Qua đó, HS biết được sâu sắc ý nghĩa của chiến thắng Điện Biên Phủ với những tấm gương chiến đấu hi sinh của Bộ đội Cụ Hồ. Những hình ảnh, vật dụng trong Bảo tàng không chỉ giúp HS có thêm hiểu biết mà còn tác động sâu sắc tới tình cảm của các em. Bên cạnh đó, GV có thể đưa ra những câu hỏi định hướng giúp HS thu thập tư liệu và tìm hiểu sâu hơn về kiến thức lịch sử. Dưới dạng công cụ, thiết bị dạy học, di sản văn hóa giúp cho quá trình học tập của HS trở nên hấp dẫn hơn, HS hứng thú học tập và hiểu bài sâu sắc hơn, phát triển tư duy độc lập sáng tạo, giáo dục tư tưởng, đạo đức cho HS.

Tuy nhiên, hoạt động giáo dục di sản trong một số nhà trường hiện nay còn có những bất cập, ví dụ: chưa khai thác sâu nội dung giáo dục di sản giữa các bộ môn khác nhau; GV chưa được tập huấn theo nhu cầu và ít được cung cấp tài liệu đầy đủ về di sản nói chung và di sản địa phương nói riêng; chưa thống nhất trong vận dụng tiến trình sư phạm của bài giảng sử dụng trong dạy học dẫn đến việc áp dụng còn khiên cưỡng, chưa thực sự hiệu quả... Chúng ta không thể dạy HS tất cả mọi thứ, mà phải xem HS ở lứa tuổi nào cần gì và có thể tiếp nhận được gì. GV là người phát hiện trước, có tính chất gợi mở để HS tự tìm tòi, khám phá. Từ đó, GV, CBQL di sản gián tiếp dạy HS biết cách tự tìm hiểu, trải nghiệm các di sản vật thể và phi vật thể khác xung quanh nhà trường, trong cộng đồng. Những bài học mà các em tự thu nhận được từ trải nghiệm thực tế chắc chắn sẽ đọng lâu hơn trong nhận thức của các em. Giáo dục trải nghiệm di sản cũng là một cách tiếp cận mới để các em tự lĩnh hội kiến thức, đồng thời phát triển toàn diện nhân cách.

Để góp phần phát huy giá trị, nâng cao hiệu quả và chất lượng giáo dục di sản trong nhà trường phổ thông, các CBQL, GV nhà trường cần thực hiện một số biện pháp sau:

Thứ nhất, tăng cường công tác tuyên truyền, quảng bá dưới nhiều hình thức, như: truyền dạy, treo pa nô, áp phích trong và ngoài trường; thành lập câu lạc bộ và tổ chức các buổi giao lưu giữa các câu lạc bộ... nhằm nâng cao nhận thức của CBQL, GV, HS và cộng đồng về vai trò, ý nghĩa của sử dụng di sản trong dạy học ở trường phổ thông. Tại nhiều trường học, các câu lạc bộ như Em yêu lịch sử, Em yêu dân ca, các lớp học nghề địa phương... đã thể hiện năng khiếu, đam mê cũng như mong muốn có thêm sự hiểu biết về văn hóa quê hương của HS.

Thứ hai, tận dụng khai thác nguồn học liệu tại chỗ là những di sản văn hóa gần gũi, xung quanh môi trường sống, dễ hiểu với HS và sử dụng những kinh nghiệm và tri thức của người địa phương. Đẩy mạnh việc lồng ghép giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa vào các hoạt động cho HS tham quan, tìm hiểu các di tích, tham gia các trò chơi dân gian trong lễ hội truyền thống; từ đó, nâng cao nhận thức của thế hệ trẻ trong việc gìn giữ và phát huy giá trị các di sản văn hóa của quê hương. Bên cạnh hệ thống đình, đền, chùa, di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh... GV nên hướng dẫn và khuyến khích HS sưu tầm, tìm hiểu, khai thác những di sản mang giá trị tinh thần (phi vật thể) như phong tục tập quán, ca dao tục ngữ... gắn bó với văn hóa địa phương.

Thứ ba, đa dạng hóa các hình thức tổ chức dạy học: dạy học trên lớp, dạy học tại di sản và tổ chức các hoạt động ngoại khóa, trải nghiệm sáng tạo giúp HS hứng thú hơn trong quá trình học tập. Việc tích hợp nội dung giáo dục di sản trong dạy học một số bài học/môn học Ngữ văn, Mĩ thuật, Giáo dục công dân, Âm nhạc, Lịch sử và Địa lí cần đảm bảo mục tiêu, đáp ứng chuẩn kiến thức, chuẩn kĩ năng cho từng môn học; có sự linh hoạt và phải phù hợp với văn hóa địa phương và dân tộc; phù hợp với điều kiện của nhà trường ở nông thôn, đô thị, miền núi, ven biển, hải đảo... và phù hợp với đối tượng HS.

Để thực hiện công tác dạy học trên lớp, GV cần lựa chọn và xây dựng một số chủ đề môn học hay liên môn phù hợp với việc sử dụng di sản trong dạy học. Mỗi chủ đề có thể bao gồm các kiến thức và kĩ năng của nhiều tiết học trong chương trình. Song song với giáo dục trong nhà trường, hoạt động giáo dục trực tiếp tại di sản đang được nhiều nhà trường, địa phương thực hiện. Đây là hướng tiếp cận mới trong công tác giáo dục di sản, tránh được những lối mòn, bằng việc tạo ra những chương trình bổ ích, lí thú, chơi mà học, học mà chơi; giúp HS chủ động khám phá, tìm hiểu di sản thông qua các hoạt động tương tác, trải nghiệm; góp phần rèn luyện các kĩ năng quan sát, sưu tầm, thuyết trình, làm việc nhóm; rèn luyện các phẩm chất cần cù, kiên trì, sáng tạo, tỉ mỉ. Ngoài ra, cũng cần lưu ý việc sử dụng di sản trong dạy học ở trường phổ thông phải gắn với đời sống kiểm tra, đánh giá; do đó, dù với hình thức giáo dục trong nhà trường hay trải nghiệm bên ngoài nhà trường thì GV cần phải kiểm tra, đánh giá HS, có thể là bài kiểm tra, bài thu hoạch hoặc cảm nhận, vẽ tranh...

Thứ tư, tổ chức tập huấn và cung cấp tài liệu, tư liệu về di sản cũng như tập huấn, bồi dưỡng về phương pháp dạy học, hình thức tổ chức dạy học... phù hợp và phát huy được giá trị, hiệu quả đối với hoạt động giáo dục di sản. Khi triển khai giáo dục trong nhà trường, cần lựa chọn GV dạy minh họa, dự giờ, rút kinh nghiệm giờ học với quan điểm tập trung vào hoạt động học của HS. Thông qua hoạt động dự giờ, rút kinh nghiệm để tất cả GV cùng nâng cao trình độ.

Thứ năm, trong quá trình bảo tồn, giữ gìn các di sản, ngoài vai trò, chức năng, nhiệm vụ của cơ quan Nhà nước, cần thiết phải có sự tham gia một cách tích cực của người dân. Không ai có thể giữ gìn di sản tốt hơn, hiệu quả hơn chính chủ nhân của các loại hình di sản ấy. Đây chính là ý thức tự giác của cộng đồng, di sản không thể đứng ngoài sinh hoạt của cộng đồng dân cư, bởi di sản được tạo ra từ cuộc sống của người dân. Để có thể duy trì sức sống cho di sản, trước hết, các di sản văn hóa ấy phải được bảo tồn như nó vốn có, được người dân thừa nhận ngay trong chính đời sống cộng đồng. Với tư cách là một thành viên của cộng đồng, HS vận dụng những kiến thức đã được trang bị để thực hiện trách nhiệm bảo tồn, giữ gìn và phát huy giá trị của di sản tại địa phương.

Thứ sáu, môi trường làm việc thay đổi đòi hỏi GV phải có phương pháp dạy học, cách thức tổ chức dạy học phù hợp, sao cho tập thể HS được lôi cuốn vào công việc tìm hiểu, nghiên cứu di sản; đòi hỏi từng HS phải làm việc thực sự và biết hợp tác với bạn để cùng hoàn thành nhiệm vụ được giao. Qua đó, HS có được môi trường giao tiếp cởi mở với bạn bè không chỉ trong phạm vi lớp học mà cả với những đối tượng khác mà các em gặp gỡ. Trong quá trình tiếp cận với di sản, GV lưu ý cách thức giao tiếp phù hợp cũng góp phần phát triển ở các em những kỹ năng sống cần thiết. Ngoài ra, GV không chỉ thuyết trình về các hiện tượng, sự vật mà cần tìm hiểu, hướng dẫn HS tự quan sát, thu thập thông tin, trao đổi trong nhóm để xử lý thông tin. Qua đó, các em sẽ có những kiến thức về di sản và có thể trình bày lại những hiểu biết của cá nhân hoặc của nhóm mà mình đã thu lượm được. Khi cho HS tiếp cận với di sản đúng mục đích, với phương pháp dạy học phù hợp và sự hướng dẫn chi tiết mang tính định hướng, kích thích tư duy, GV sẽ giúp HS phát triển khả năng quan sát, xử lý thông tin, phân tích, tổng hợp và so sánh, qua đó phát triển trí tuệ của các em.

Bộ GD-ĐT khuyến khích phương pháp giáo dục lấy HS và hoạt động học làm trung tâm, tận dụng khai thác nguồn học liệu tại chỗ là những di sản gần gũi, xung quanh môi trường sống; GV đóng vai trò là người thiết kế hoạt động, điều phối viên, giúp tổ chức hoạt động cho HS. Do đó, các hoạt động gần gũi và gắn với cuộc sống hàng ngày của HS như: tìm hiểu về di sản địa phương, nhận chăm sóc các di tích lịch sử - văn hóa, nhà bia tưởng niệm các anh hùng liệt sĩ ở địa phương cần được duy trì thường xuyên, hiệu quả, góp phần thiết thực giáo dục truyền thống cách mạng, lòng tự hào, tự tôn dân tộc cho HS; hướng các em tham gia những hoạt động lành mạnh, bổ ích, tinh thần yêu lao động, được chia sẻ, gắn bó và thêm yêu quê hương, đất nước, tự hào về truyền thống cách mạng của dân tộc... Đây cũng là nhiệm vụ tiếp tục được các cơ sở giáo dục phổ thông trên cả nước thực hiện trong năm học 2021-2022 (Bộ GD-ĐT, 2021, tr 3).

2.4. Những ví dụ về giáo dục di sản trong dạy học một số bộ môn ở trường phổ thông

- Chương trình Ngữ văn ở trường phổ thông chỉ lựa chọn một số nhà thơ/văn tiêu biểu cho từng giai đoạn hoặc thể loại với lượng thông tin về tác giả/tác phẩm khá khiêm tốn. Tuy nhiên, với sự tích cực tìm kiếm, sưu tầm, hỗ trợ của công nghệ sẽ giúp GV và HS có thêm nhiều thông tin bổ ích, bổ sung cho nội dung bài học. Bên cạnh đó, việc trực tiếp học tập tại di tích gắn với con người, cuộc đời của các tác giả thơ/văn là một trải nghiệm bổ ích và thiết thực. Chẳng hạn, các di tích như: Nhà thờ Nguyễn Khuyến (tỉnh Hà Nam), Nhà thờ cụ Nguyễn Trãi (TP. Hà Nội), Mộ nhà thơ Phan Văn Trị (TP. Cần Thơ), Mộ và khu tưởng niệm Nguyễn Đình Chiểu (tỉnh Bến Tre), Mộ Phạm Đình Hồ và lầu bình thơ (tỉnh Hải Dương), Khu lưu niệm đại thi hào Nguyễn Du (tỉnh Hà Tĩnh), Các di tích về Chủ tịch Hồ Chí Minh tại nhiều địa phương trên cả nước... đều là các di tích lịch sử - văn hóa cấp quốc gia, không chỉ là địa điểm tham quan mà còn là nơi học tập giúp thế hệ ngày nay thêm hiểu biết và trân trọng những thành quả lao động trí óc của những nhà thơ/văn lớp trước.

- Tất cả di sản trên lãnh thổ Việt Nam đều gắn với lịch sử Việt Nam, phản ánh đời sống con người Việt Nam trong suốt thời kỳ dựng nước, giữ nước và xây dựng đất nước. Do đó, các bài học lịch sử đều có thể tích hợp/lồng ghép giáo dục di sản ở mức độ bài học hoặc chuyên đề (nhiều bài cùng nội dung ở các chương khác nhau hoặc chuyên đề theo chương). Ví dụ: Nước Đại Việt thời Lý (thế kỉ XI - XII): Sau khi Lê Hoàn mất, Lý Công Uẩn được tôn lên làm vua, thành lập nhà Lý. Năm 1010, Lý Công Uẩn quyết định dời đô từ Hoa Lư về thành Đại La, xây dựng kinh thành và cung điện (Hoàng Thành). Ngày nay, Hoàng thành Thăng Long là một trong những di tích đặc biệt quan trọng không chỉ của Hà Nội mà còn của cả nước. GV và HS khi học tập/tham quan di tích Khu Trung tâm Hoàng thành Thăng Long - Hà Nội (gồm Khu Di tích Thành cổ Hà Nội và Di tích khảo cổ học 18 Hoàng Diệu), di tích Thành cổ Hà Nội (địa điểm: Đoàn Môn, Hậu Lâu, Bắc Môn)... sẽ được cung cấp nhiều thông tin, tư liệu, hình ảnh giúp tái hiện một phần lịch sử nước ta thời Lý.

Ngoài ra, các di tích: Những địa điểm ở phòng tuyến sông Như Nguyệt trong cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Tống năm 1077 thuộc huyện Yên Phong (tỉnh Bắc Ninh), Đền thờ Lý Thường Kiệt (tỉnh Thanh Hóa)... sẽ cung cấp thông tin cho GV và HS về một trong những nhân vật lịch sử tiêu biểu của thời Lý là Lý Thường Kiệt. Các di tích: Tháp Báo Thiên, Chùa Một Cột (TP. Hà Nội), Chùa Phật Tích (tỉnh Bắc Ninh)... là những bằng chứng sát thực nhất cho thấy dưới thời nhà Lý việc xây dựng đền miếu, chùa, nhà cửa... rất phát triển, điều này phản ánh đời sống nhân dân được ổn định và cải thiện hơn. Bên cạnh đó, nhà Lý cũng rất coi trọng giáo dục, đặc biệt là việc xây dựng Văn Miếu Quốc Tử Giám. Để tưởng nhớ và tỏ lòng thành kính, nhân dân đã lập đền thờ các vị vua thời Lý và hiện nay di tích Đền thờ 8 vị vua thời Lý có tại tỉnh Bắc Ninh.

- Trong dạy học Địa lí ở trường phổ thông, khả năng để tích hợp/lồng ghép giáo dục di sản là rất lớn. Các di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh... trên đất nước ta đều góp phần là minh chứng làm sáng tỏ cơ sở khoa học của một số vấn đề trong dạy học Địa lí như:

+ Vị trí, giới hạn lãnh thổ Việt Nam: một trong bốn mốc vị trí quan trọng trên lãnh thổ đất nước ta đã được xếp hạng là Di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia, đó là di tích Cột cờ Lũng Cú (tỉnh Hà Giang).

+ Vùng biển Việt Nam: một số danh lam thắng cảnh vùng biển nước ta có thể cung cấp và mở rộng thông tin cho GV và HS khi học về nội dung này như: đảo Hòn Dấu (TP. Hải Phòng), vịnh Nha Trang (tỉnh Khánh Hòa), Mũi Nai (tỉnh Kiên Giang)...

+ Đặc điểm địa hình nước ta: các địa danh núi Kim Sơn (tỉnh Thanh Hóa), núi Bà Đen (tỉnh Tây Ninh), ruộng bậc thang (tỉnh Yên Bái), động Ngao (tỉnh Cao Bằng), hang Tiên Sơn (tỉnh Lai Châu), thác Drai Kpor; thác Drai Dông (thác Cao) (tỉnh Đắk Lắk), thác Tiên Đèo Gió (tỉnh Hà Giang)... đã minh chứng cho sự đa dạng về các dạng địa hình khác nhau ở Việt Nam như: núi, đồng bằng, địa hình cácxtơ, các hang động, cao nguyên... Tất cả những địa danh nêu trên đều là các di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh cấp quốc gia, được Nhà nước công nhận, thuộc diện được lưu giữ và bảo tồn. Những bài học địa lí Việt Nam, địa lí địa phương có tích hợp, lồng ghép giáo dục di sản không chỉ mang đến cho HS những hiểu biết cơ bản và cần thiết về thiên nhiên và con người Việt Nam, về sự nghiệp xây dựng và phát triển KT-XH của đất nước mà qua đó làm cho HS thêm tự hào, thêm trân quý và yêu quê hương, đất nước, con người Việt Nam hơn.

3. Kết luận

Di sản chính là một trong những nguồn học liệu đa dạng và sống động. Ẩn chứa trong di sản là những giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học nên có tác động mạnh tới tình cảm, đạo đức, tới việc hình thành nhân cách của HS. Khai thác được những giá trị ẩn chứa trong di sản và chuyển giao cho HS để các em nhận thức được những giá trị này, qua đó GV giúp HS nhận thức thế giới xung quanh; đồng thời, giúp các em có cơ sở giải thích một cách khoa học các sự vật, hiện tượng liên quan đến di sản, bởi nhà trường phổ thông vừa có trách nhiệm giáo dục nâng cao nhận thức cho HS về di sản, vừa có trách nhiệm sử dụng di sản để dạy học. Việc sử dụng di sản để dạy học sẽ mang lại những kết quả tích cực vừa có giá trị ở phương pháp giáo dục kiến thức phổ thông theo quy định của chương trình, vừa nâng cao nhận thức, trách nhiệm của HS đối với di sản và quan trọng nhất là góp phần hoàn thiện nhân cách cho các em.

Tài liệu tham khảo

- Bộ GD-ĐT (2021). *Công văn số 3699/BGDĐT-GDTrH ngày 27/8/2021 về việc Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục trung học năm học 2021-2022*.
- Ferreras-Listán, M., Pineda-Alfonso, J. A., Hunt-Gómez, C. I., (2020). *Heritage education as a tool for creating critical citizens: Analysis of conceptions of teachers in training. Historical memory in Heritage Education Apps: A Resource for Building Social and Civic Competence*. Chapter 10 in Handbook of Research on Citizenship and Heritage Education, Publisher by IGI Global, Hershey, USA, 199-218.
- Gillate, I., Luna, U., Castrillo, J., Ibáñez-Etxeberria, A., (2020). *Historical memory in Heritage Education Apps: A resource for building social and civic competence*. Chapter 14 in Handbook of Research on Citizenship and Heritage Education. Publisher by IGI Global, Hershey, USA, 286-311.
- Hoàng Phê, Vũ Xuân Lương, Hoàng Thị Tuyền Linh, Phạm Thị Thủy, Đào Thị Minh Thu, Đặng Thanh Hòa (2008). *Từ điển tiếng Việt*. NXB Đà Nẵng - Trung tâm Từ điển học.
- Lee, W. O., Hao, N., Zhou, Q., (2020). *Heritage Education in Central China: Agendas for Cultural and InterCultural Citizenship Education Historical Memory in Heritage Education Apps: A Resource for Building Social and Civic Competence*. Chapter 11 in Handbook of Research on Citizenship and Heritage Education, Publisher by IGI Global, Hershey, USA, 219-238.
- Ngô Đức Thịnh (2019). *Hệ giá trị văn hóa Việt Nam*. NXB Tri thức.
- Nguyễn Thanh Lam (2016). Từ sắc lệnh số 65 ngày 23/11/1945 nghĩ về tư tưởng Hồ Chí Minh về di sản văn hóa. *Tạp chí Thông tin Khoa học và Công nghệ*, Quảng Bình, 6, 61-63.
- Nguyễn Thị Hoàng Yên (2012). *Giáo dục giá trị văn hóa truyền thống trong nhà trường phổ thông Việt Nam*. Đề tài cấp Bộ, Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam, mã số: B2012-37-07NV.
- Quốc hội (2010). *Luật Di sản văn hóa*. Luật số 28/2001/QH10, ngày 29/6/2001.
- Thủ tướng Chính phủ (2005). *Quyết định số 36/2005/QĐ-TTg ngày 24/2/2005 về việc “Ngày Di sản Văn hóa Việt Nam” là ngày 23/11*.
- Trịnh Thế Truyền, Hà Thị Lịch, Nguyễn Thành Trung, Dương Văn Hậu (2020). Giáo dục di sản thông qua việc nghiên cứu và thiết kế các sản phẩm lưu niệm từ một số biểu tượng mang đặc trưng văn hóa Hùng Vương. *Tạp chí Giáo dục*, số đặc biệt kì 1 tháng 5, 92-97.